

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 26 – 4 – 2024  
“ *V/v Tranh chấp ly hôn* ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LIÊM, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Trần Thị Thu Hà.

2/ Ông Trần Văn Lập

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Liêm, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.*

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 466/2024/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST – HNGĐ ngày 09/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị [Nguyễn Thi Diễm T](#), sinh năm: 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: [ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#).

- *Bị đơn:* Anh [Nguyễn Văn C](#), sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: [ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn chị [Nguyễn Thi Diễm T](#) trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị [T](#) và anh [C](#) hình thành là do tự tìm hiểu có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại [UBND xã T](#) vào ngày 22/9/2008. Sau khi cưới chị [T](#) và anh [C](#) thuê nhà sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chị [T](#) và anh [C](#) chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn hạnh phúc. Chị **T** và anh **C** ly thân từ tháng 12/2022 đến nay.

Nay chị **T** cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **C**.

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Nguyễn Quốc H**, sinh ngày 11/7/2009 và **Nguyễn Ngọc Gia H1**, sinh ngày 11/11/2020. Sau khi ly hôn thì tùy theo nguyện vọng của 2 con muốn sống với ai thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng và người kia không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **C** vắng mặt tại phiên Tòa không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bằng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[1.2] Xét nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/3/2024 và việc bị đơn anh **C** được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa Chị **T** và anh **C** có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa Chị **T** và anh **C** có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị **T** và anh **C** đã ly thân với nhau từ tháng 12/2022 đến nay từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã triệu tập anh **C** nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng anh **C** cố tình tránh né không đến Tòa án.

Từ đó, cho thấy anh **C** không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa Chị **T** và anh **C** đã mâu thuẫn trầm trọng, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh C là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 11/7/2009 và Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 11/11/2020. Sau khi ly hôn thì tùy theo nguyện vọng của 2 con muốn sống với ai thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng và người kia không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu H và cháu H1 từ nhỏ sống với chị T cuộc sống ổn định, phát triển bình thường, cháu H có nguyện vọng sống với chị T, còn cháu H1 thì tuổi còn nhỏ. Nên giao cháu H và cháu H1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh C không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh C không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; 228; 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử;*

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 11/7/2009 và Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 11/11/20203 cho chị Nguyễn Thị Diễm T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Diễm T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Diễm T phải nộp số tiền là: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008358 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, nên chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

**THẨM**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Cường**

